TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 01/8/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Thị H - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn Đinh Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Mạnh H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu.

Sau khi cưới vợ chồng bà H và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành, quá trình mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Bà H và ông H trong thời gian gần đây đã ly thân, không quan tâm và hỏi thăm nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015 (Giới tính: Nữ). Cháu H hiện đang sống cùng với bố. Khi ly hôn bà H có ý kiến giao con chung cho ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, hàng tháng bà Hòa sẽ có trách nhiệm đóng góp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Bà H xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Mạnh H trình bày phù hợp với lời khai bà H về điều kiện, thời điểm kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Từ năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai bên xảy ra cãi vã nhưng không có xô xát hay thương tích gì. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên liên tục, có bố mẹ hai bên gia đình hòa giải, hai vợ chồng đã tự nói chuyện với nhau nhưng không thành, chưa được chính quyền địa phương tiến hành hòa giải. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn ông H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung và hàng tháng yêu cầu bà H đóng góp 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh với tổ dân phố tại Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng ngày 13/6/2023 thể hiện: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Đinh Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng. Theo danh sách đăng ký cư trú chủ hộ là bà Hồ Lan P, nhân khẩu gồm có ông Nguyễn Mạnh H, bà Đinh Thị H, cháu Nguyễn Thanh H (con chung của ông H, bà H). Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H tổ dân phố không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chưa thấy vợ chồng ông H, bà H xảy ra cãi vã, xô xát hay nhờ tới tổ dân phố tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng. Chỉ biết bà H không thường xuyên cư trú tại tổ dân phố và trước đây ông H có trong danh sách người nghiện ma túy do cơ quan Công an quản lý.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2023 với bà Hồ Lan P (mẹ đẻ ông Nguyễn Mạnh H) thể hiện: Về mối quan hệ hôn nhân: ông H và bà H đăng ký kết hôn năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới hai bên gia đình. Kể từ khi kết hôn ông H và bà H thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn liên quan tới người thứ ba. Tuy nhiên hai vợ chồng đã tự bảo ban nhau xây dựng hạnh phúc vợ chồng. Bà H đã không còn cư trú tại nhà chồng từ đầu năm 2023, do đi làm công nhân ở xa nên trong 03 đến 04 năm gần đây đã sống tại tỉnh Thái Nguyên. Về con chung: bà H và ông H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015 (Giới tính: Nữ), hiện nay cháu đang ở với bố và bà nội tại Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Đinh Thị H và bị đơn Nguyễn Mạnh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 200; Điều 33, Điều 59, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị H. Cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung cho ông Nguyễn Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hàng tháng bà Đinh Thị H có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hòa phải chịu thêm phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về con chung" giữa nguyên đơn bà Đinh Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H. Bị đơn Nguyễn

Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 16, phường T, thành phố Cao Bằng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn Đinh Thị H và bị đơn Nguyễn Mạnh H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 5 năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới vợ chồng bà H và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới cãi vã nhưng không xảy xô xát giữa hai bên. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên liên tục. Quá trình mâu thuẫn xảy ra có bố mẹ hai bên gia đình biết và hòa giải quay lại đoàn tụ, hai vợ chồng đã tự nói chuyện với nhau nhưng không thành. Ông H và bà H đã không chung sống từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng kết quả không hòa giải được. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của ông H đều xác nhận xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà H.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giải quyết cho ly hôn giữa bà H và ông H.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn bà H và ông H đều thống nhất cho ông H là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống ly thân đến nay, ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đã ổn định cuộc sống và đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nhận thấy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con và theo nguyện vọng của cháu H khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố nên cần giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H có yêu cầu bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng).* Ý kiến của bà H phù hợp với yêu cầu của ông H. Xét thấy, ý kiến các bên tự nguyện và mức cấp

dưỡng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng chẵn)* là phù hợp với mức cấp dưỡng nuôi con hiện nay, do đó cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án không giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị H. Cho bà Đinh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015 (Giới tính: Nữ) cho ông Nguyễn Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Mỗi tháng bà Đinh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tính kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền án phí bà H phải chịu là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng).* Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí tòa án số 0003407 ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Bà H còn phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Tân Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hanh